

Số: 32/2019/QĐST-HNGĐ

G, ngày 30 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Bùi Công T.

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

2. Chị Nguyễn Thị Ánh H.

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh T, chị H đoàn tụ nhưng không thành. Các đương sự thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: anh T, chị H đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Sự thỏa thuận của anh chị bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con.

[3] Về chia tài sản chung: anh T, chị H đã tự thỏa thuận việc chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: anh T, chị H thỏa thuận chị H chịu toàn bộ tiền lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Công T và chị Nguyễn Thị Ánh H thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: anh T, chị H có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Thiên A, sinh ngày 01/6/2014. Giao cháu A cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A định kỳ vào ngày 10/4 hàng năm, số tiền cấp dưỡng là 24.000.000 đồng/năm (hai mươi bốn triệu đồng một năm), bắt đầu từ ngày 10/4/2020 cho đến khi cháu A thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về chia tài sản chung: anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí Tòa án: chị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí Tòa án là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005728 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 73, quyền số 01, ngày 24/9/2013).
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thành Nhơn